

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



EY

Building a better
working world

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 7
Báo cáo thu nhập	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	9
Báo cáo danh mục đầu tư	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 45
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (*)	46 - 55
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát (*)	56 - 57

(*) Các báo cáo này được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát lập theo quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài Chính ban hành và không phải là một phần của báo cáo tài chính.

CÔNG
H NHI
QUẢN
LIFE
VIỆ
T

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 28/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2017. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.677.986,96 chứng chỉ quỹ ("CCQ") với tổng giá trị là 76.779.869.600 VND, chiếm 153,56% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 211.113.648.100 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013. Ngân hàng HSBC được chấp thuận bổ sung nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hai (2) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Mục tiêu của Quỹ là đem đến thu nhập và tiềm năng tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong dài hạn thông qua việc phân bổ cân bằng vào các cổ phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng trên nền tảng của quy trình đầu tư trái phiếu và cổ phiếu chuyên nghiệp, có kỷ luật cao với tầm nhìn trung và dài hạn. Tùy theo điều kiện thị trường, Quỹ sẽ phân bổ tỷ trọng hợp lý các cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định.

- ▶ Cổ phiếu: được đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt.
- ▶ Trái phiếu: Phần lớn được đầu tư vào các trái phiếu có độ rủi ro thấp như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thị trường, một phần sẽ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có mức lợi nhuận kỳ vọng tốt so với mức rủi ro tăng thêm.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và được điều chỉnh tùy từng thời điểm, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và được đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Bà Nguyễn Lê Bích Đào	Thành viên	Ngày 5 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo là bà Trần Thị Kim Cương - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Tổng Giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

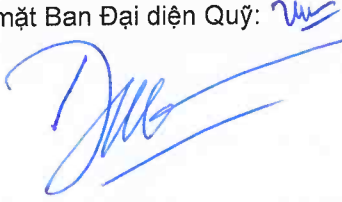
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ: 

Ông Đinh Thế Hiển
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023



Số tham chiếu: 61431751/22994593

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Manulife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife ("Quỹ"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam), là Công ty Quản lý Quỹ, ("Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của QUỸ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

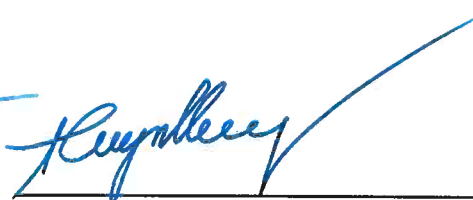
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	A. TÀI SẢN			
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	10.660.824.858	73.312.091.483
111	1. Tiền gửi ngân hàng		10.660.824.858	12.223.872.305
112	2. Tương đương tiền		-	61.088.219.178
120	II. Các khoản đầu tư thuần		253.917.543.138	233.682.110.140
121	1. Các khoản đầu tư	6	253.917.543.138	233.682.110.140
130	III. Các khoản phải thu	7	6.454.329.058	4.207.273.728
136	1. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận		5.679.329.058	2.469.502.728
137	2. Phải thu khác		775.000.000	1.737.771.000
100	TỔNG TÀI SẢN		271.032.697.054	311.201.475.351
300	B. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		662.637.467	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		45.397.580	181.552.158
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.069.357	9.103.644
316	4. Chi phí phải trả	8	204.528.000	135.377.344
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		5.000.000	2.900.000
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		842.611.490	1.054.287.044
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	9	321.338.356	363.062.153
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.085.582.250	1.746.282.343
400	C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (C=A-B)		268.947.114.804	309.455.193.008
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		211.113.648.100	204.907.092.300
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	322.499.423.000	280.243.603.100
413	1.2 Vốn góp mua lại	10	(111.385.774.900)	(75.336.510.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	31.205.964.733	27.511.243.900
420	3. Lợi nhuận lũy kế	11	26.627.501.971	77.036.856.808
430	D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		12.739	15.102

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	16	21.111.364,81	20.490.709,23

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. (Lỗ)/thu nhập hoạt động đầu tư		(45.302.302.827)	58.937.665.506
02	1. Cổ tức được chia	12	1.937.659.822	1.463.923.300
03	2. Tiền lãi được nhận	12	8.795.730.907	5.982.758.874
04	3. (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	13	(28.927.185.326)	40.077.270.820
05	4. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(27.108.508.230)	11.413.712.512
10	II. Chi phí hoạt động đầu tư		487.235.244	495.840.911
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	487.235.244	495.840.911
20	III. Chi phí hoạt động Quỹ mở		4.619.816.766	3.779.241.350
20.1	1. Phí quản lý Quỹ	20.1	3.549.553.971	2.881.362.324
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	237.754.709	216.004.573
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát	20.2	81.343.944	71.545.218
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.2	136.657.826	110.932.451
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.2	165.278.771	154.838.435
20.7	6. Chi phí họp, Đại hội Quỹ		140.836.245	11.281.249
20.8	7. Chi phí kiểm toán		113.400.000	115.500.000
20.10	8. Chi phí hoạt động khác		194.991.300	217.777.100
23	IV. Kết quả hoạt động đầu tư		(50.409.354.837)	54.662.583.245
24	V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác		-	-
30	VI. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(50.409.354.837)	54.662.583.245
31	1. (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(23.300.846.607)	43.248.870.733
32	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(27.108.508.230)	11.413.712.512
40	VII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")		-	-
41	VIII. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		(50.409.354.837)	54.662.583.245

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu năm	309.455.193.008	170.118.550.591
II	Thay đổi NAV trong năm	(50.409.354.837)	54.662.583.245
1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	(50.409.354.837)	54.662.583.245
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	9.901.276.633	84.674.059.172
1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	59.386.968.973	132.354.060.689
2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(49.485.692.340)	(47.680.001.517)
IV	NAV của Quỹ cuối năm	268.947.114.804	309.455.193.008

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
I	Cổ phiếu			122.747.531.500	45,28
1	FPT	176.201	76.900	13.549.856.900	5,00
2	VCB	163.341	80.000	13.067.280.000	4,82
3	MWG	285.220	42.900	12.235.938.000	4,51
4	VNM	110.000	76.100	8.371.000.000	3,09
5	REE	114.100	71.500	8.158.150.000	3,01
6	CTG	268.682	27.250	7.321.584.500	2,70
7	VHC	103.100	69.800	7.196.380.000	2,66
8	ACB	276.126	21.900	6.047.159.400	2,23
9	BMP	100.000	60.000	6.000.000.000	2,21
10	PNJ	65.733	89.900	5.909.396.700	2,18
11	CTR	110.000	50.400	5.544.000.000	2,05
12	DGW	140.000	37.750	5.285.000.000	1,95
13	GMD	114.740	45.400	5.209.196.000	1,92
14	GAS	50.700	101.500	5.146.050.000	1,90
15	NT2	135.800	28.850	3.917.830.000	1,45
16	VIB	184.500	19.000	3.505.500.000	1,29
17	TCB	120.000	25.850	3.102.000.000	1,14
18	MBB	165.100	17.100	2.823.210.000	1,04
19	VPB	20.000	17.900	358.000.000	0,13
II	Trái phiếu doanh nghiệp			79.069.457.315	29,17
1	VND122013	310.000	99.152	30.737.162.470	11,34
2	VND122012	215.054	99.674	21.435.184.869	7,91
3	VHM121024	150.000	99.005	14.850.735.000	5,48
4	VHM121025	120.612	99.877	12.046.374.976	4,44
III	Tài sản khác			58.554.883.381	21,61
1	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng			52.100.554.323	19,22
2	Dự thu trái tức			3.906.264.265	1,44
3	Dự thu lãi tiền gửi			1.619.064.793	0,60
4	Phải thu khác			775.000.000	0,29
5	Dự thu cổ tức			154.000.000	0,06

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền			10.660.824.858	3,94
1	Tiền gửi ngân hàng			10.660.824.858	3,94
V	Tổng danh mục đầu tư			271.032.697.054	100,00

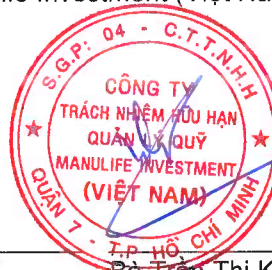
Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(50.409.354.837)	54.662.583.245
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	Các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	6	27.108.508.230	(11.413.712.512)
04	Tăng/(giảm) chi phí trích trước		69.150.656	(24.022.656)
05	2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(23.231.695.951)	43.224.848.077
20	Tăng các khoản đầu tư		(47.343.941.228)	(63.536.370.998)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(3.209.826.330)	555.378.100
08	Giảm/(tăng) phải thu khác		962.771.000	(1.737.771.000)
10	Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư		662.637.467	-
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(136.154.578)	99.774.112
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(5.034.287)	6.946.809
14	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.100.000	(47.100.000)
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		(211.675.554)	1.054.287.044
17	(Giảm)/tăng phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		(41.723.797)	158.622.442
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(72.552.543.258)	(20.221.385.414)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	59.386.968.973	132.354.060.689
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(49.485.692.340)	(47.680.001.517)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.901.276.633	84.674.059.172
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(62.651.266.625)	64.452.673.758
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		73.312.091.483	8.859.417.725
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		73.312.091.483	8.859.417.725
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		12.220.972.305	8.809.417.725
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		61.088.219.178	-
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.900.000	50.000.000

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	10.660.824.858	73.312.091.483
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		10.660.824.858	73.312.091.483
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		10.655.824.858	12.220.972.305
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		-	61.088.219.178
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		5.000.000	2.900.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(62.651.266.625)	64.452.673.758

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 28/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2017. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ Quỹ được ban hành trong tháng 5 năm 2017 và bản sửa đổi mới nhất được ban hành trong tháng 4 năm 2021.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013. Ngân hàng HSBC được chấp thuận bổ sung nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.677.986,96 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 76.779.869.600 đồng, chiếm 153,56% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 211.113.648.100 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là đem đến thu nhập và tiềm năng tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong dài hạn thông qua việc phân bổ cân bằng vào các cổ phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hai (2) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ một tuần hai (02) lần vào ngày thứ Tư và thứ Sáu. Trong trường hợp ngày giao dịch là ngày lễ thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đang ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành và quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, j, k được nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh; và
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập: Mẫu số B01-QM
2. Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu số B02-QM
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ: Mẫu số B03-QM
4. Báo cáo danh mục đầu tư: Mẫu số B04-QM
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B05-QM
6. Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B06-QM

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Đại diện Quỹ cam kết Quỹ đã tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198 trong việc lập báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

4.3.1 Nguyên tắc phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

4.3.2 Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

4.3.3 Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

4.3.4 Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các Ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt

4.3.5 Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong sổ tay định giá như sau:

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (không niêm yết và có thời gian đáo hạn còn lại không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua) và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trường hợp không có giá yết nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền dựa trên thời gian nắm giữ công cụ và căn cứ vào lãi suất định giá theo phương pháp định giá hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu hủy niêm yết do đến thời gian đáo hạn hoặc được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn, trái phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên	<ul style="list-style-type: none">- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá được xác định theo phương pháp định giá trái phiếu hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết (có thời gian đáo hạn còn lại trên ba (3) tháng kể từ ngày mua) hoặc chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>Giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá trung bình tại ngày gần nhất trước ngày định giá do hai (02) công ty chứng khoán cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá chưa bao gồm lãi lũy kế);- Giá dựa trên báo giá của một (01) công ty chứng khoán cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá chưa bao gồm lãi lũy kế);- Giá sạch (clean price) của giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá;+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;+ Giá mua
13.	Cổ phiếu đang trong giai đoạn hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ để chuyển sang sàn giao dịch mới	Giá thị trường kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ cho đến ngày trước ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu này trên sàn giao dịch mới được xác định là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của cổ phiếu này tại ngày có giao dịch trên sàn cũ gần nhất trước ngày định giá
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
Các tài sản khác		
16.	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại đầu ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Quỹ tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu này. Theo đó, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

4.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ Quỹ sau khi quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

4.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)

Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện, với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)".

4.7 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các chi phí phát sinh của Quỹ được dự chi theo ngày thực tế trong kỳ định giá tương ứng với khoản dự chi phát sinh trong năm tài chính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Chi tiết một số chi phí chủ yếu của Quỹ như sau:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$\text{Phí quản lý} = 1,2\% \times \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$

Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát và phí lưu ký được xác định như sau:

$\text{Phí lưu ký} = 0,06\% \times \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$

Phí lưu ký tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng (phí lưu ký không chịu thuế GTGT).

$\text{Phí giám sát} = 0,025\% \times \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$

Phí giám sát tối thiểu: 5.500.000 VND/tháng, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25"). Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại theo mức thuế suất hiện hành (mức thuế suất năm 2021 là 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111, Thông tư 25, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư 198 được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.14 Nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một đơn vị Quỹ bằng NAV chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ được thực hiện theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá của Quỹ (*Thuyết minh số 4.3*).

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và phải thu, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền gửi cho hoạt động của quỹ mở	10.655.824.858	12.220.972.305
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	5.000.000	2.900.000
Tương đương tiền	-	61.088.219.178
	10.660.824.858	73.312.091.483

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại					Đơn vị tính: VND
	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý		Chênh lệch			
	Giá mua					
[1]	[2]	[3]	[4]	[5] = [3] – [4]	[6] = [1] + [3] - [4]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Cổ phiếu	125.420.486.356	122.747.531.500	5.979.148.874	8.652.103.730	(2.672.954.856)	122.747.531.500
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	77.273.924.676	79.069.457.315	2.147.835.000	352.302.361	1.795.532.639	79.069.457.315
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (**)	52.100.554.323	52.100.554.323	-	-	-	52.100.554.323
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	44.100.554.323	44.100.554.323	-	-	-	44.100.554.323
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-	8.000.000.000
	254.794.965.355	253.917.543.138	8.126.983.874	9.004.406.091	(877.422.217)	253.917.543.138
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Các khoản đầu tư	207.451.024.127	233.682.110.140	27.623.070.897	1.391.984.884	26.231.086.013	233.682.110.140
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					(27.108.508.230)	

(*) Các trái phiếu này được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT và Công ty Cổ phần Vinhomes, có kỳ hạn gốc từ một (1) năm đến năm (5) năm và được hưởng lãi suất áp dụng cho năm này là từ 8,00%/năm đến 10,725%/năm, trả lãi tại ngày đáo hạn hoặc hằng năm hoặc ba (3) tháng/lần.

(**) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu từ mười hai (12) đến mười tám (18) tháng và được hưởng lãi suất từ 5,50%/năm đến 6,50%/năm.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi	1.619.064.793	1.663.741.953
Trái tức dự thu	3.906.264.265	577.551.575
Cổ tức dự thu	154.000.000	228.209.200
Phải thu khác	775.000.000	1.737.771.000
	6.454.329.058	4.207.273.728

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	105.228.000	36.077.344
Phải trả chi phí kiểm toán	69.300.000	69.300.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	30.000.000	30.000.000
	204.528.000	135.377.344

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	274.676.237	311.523.342
Phải trả phí lưu ký	17.400.001	15.576.165
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	12.392.418	16.829.920
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	10.575.036	11.993.650
Phải trả phí dịch vụ giám sát	6.294.664	7.139.076
	321.338.356	363.062.153

Quỹ Đầu Tư Căn Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp phát hành						Vốn góp mua lại						Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)														
Tại ngày 1/1/2022	28.024.360,31	11.536	280.243.603.100	43.054.165.023	323.297.768.123	(7.533.651,08)	12.063	(75.336.510.800)	(15.542.921.123)	(90.879.431.923)	20.490.709,23	232.418.336.200	15.102											
Phát sinh trong năm	4.225.581,99	14.054	42.255.819.900	17.131.149.073	59.386.968.973	(3.604.926,41)	13.727	(36.049.264.100)	(13.436.428.240)	(49.485.692.340)	620.655,58	9.901.276.633	(2.363)											
Tại ngày 31/12/2022	32.249.942,30	11.866	322.499.423.000	60.185.314.096	382.684.737.096	(11.138.577,49)	12.602	(111.385.774.900)	(28.979.349.363)	(140.365.124.263)	21.111.364,81	242.319.612.833	12.739											

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. LỢI NHUẬN LŨY KẾ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	27.504.924.188	50.805.770.795
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(877.422.217)	26.231.086.013
	26.627.501.971	77.036.856.808

12. THU NHẬP CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	1.937.659.822	1.463.923.300
- Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận	1.783.659.822	1.235.714.100
- Cổ tức dự thu đến cuối năm	154.000.000	228.209.200
Tiền lãi	8.795.730.907	5.982.758.874
- Tiền lãi phát sinh trong năm đã nhận	3.270.401.849	3.741.465.346
- Tiền lãi dự thu đến cuối năm	5.525.329.058	2.241.293.528

13. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Tổng giá trị bán (đã bao gồm phí môi giới) VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán VND
Cổ phiếu	147.002.513.150	175.929.698.476	40.077.270.820

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	266.731.471	262.974.924
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	220.503.773	232.865.987
	487.235.244	495.840.911

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCCQ	NAV/1CCCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước	309.455.193.008	20.490.709,23	15.102	
Kỳ 1/Tháng 1	312.174.391.309	20.490.709,23	15.235	133
Kỳ 2/Tháng 1	310.071.909.203	20.439.443,60	15.170	(65)
Kỳ 3/Tháng 1	304.101.587.429	20.426.017,76	14.888	(282)
Kỳ 4/Tháng 1	306.382.685.531	20.451.724,91	14.981	93
Kỳ 5/Tháng 1	299.028.466.408	20.419.744,83	14.644	(337)
Kỳ 6/Tháng 1	303.844.986.111	20.488.442,23	14.830	186
Kỳ 7/Tháng 1	307.173.041.647	20.606.806,46	14.906	76
Kỳ 8/Tháng 1	309.222.103.883	20.799.112,42	14.867	(39)
Kỳ cuối/Tháng 1	311.798.065.323	20.895.521,41	14.922	55
Kỳ 1/Tháng 2	315.032.449.038	20.895.521,41	15.077	155
Kỳ 2/Tháng 2	316.149.165.795	20.936.228,73	15.101	24
Kỳ 3/Tháng 2	314.595.247.230	20.967.766,00	15.004	(97)
Kỳ 4/Tháng 2	316.406.690.261	20.972.892,97	15.086	82
Kỳ 5/Tháng 2	316.368.292.394	20.964.939,18	15.090	4
Kỳ 6/Tháng 2	315.734.164.231	20.991.279,03	15.041	(49)
Kỳ cuối/ Tháng 2	314.612.118.375	20.914.020,65	15.043	2
Kỳ 1/Tháng 3	315.182.839.783	20.914.020,65	15.070	27
Kỳ 2/Tháng 3	316.657.545.999	21.023.509,91	15.062	(8)
Kỳ 3/Tháng 3	313.480.685.340	21.022.793,52	14.911	(151)
Kỳ 4/Tháng 3	312.447.726.732	20.956.855,95	14.909	(2)
Kỳ 5/Tháng 3	310.061.085.453	20.943.418,95	14.805	(104)
Kỳ 6/Tháng 3	310.610.277.383	20.920.056,51	14.847	42
Kỳ 7/Tháng 3	314.418.294.191	20.876.722,24	15.061	214
Kỳ 8/Tháng 3	311.629.238.935	20.732.951,03	15.031	(30)
Kỳ 9/Tháng 3	313.403.772.165	20.815.925,08	15.056	25
Kỳ cuối/Tháng 3	314.233.487.408	20.852.335,41	15.069	13
Kỳ 1/Tháng 4	316.735.041.723	20.841.553,59	15.197	128
Kỳ 2/Tháng 4	316.035.744.024	20.835.973,18	15.168	(29)

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 3/Tháng 4	311.793.768.588	20.837.981,30	14.963	(205)
Kỳ 4/Tháng 4	314.454.886.980	20.873.540,33	15.065	102
Kỳ 5/Tháng 4	306.680.872.363	20.846.469,46	14.711	(354)
Kỳ 6/Tháng 4	304.076.074.837	20.883.091,56	14.561	(150)
Kỳ 7/Tháng 4	299.673.024.076	20.892.487,48	14.344	(217)
Kỳ 8/Tháng 4	301.245.021.465	20.936.437,52	14.389	45
Kỳ cuối/Tháng 4	302.904.256.612	20.917.079,30	14.481	92
Kỳ 1/Tháng 5	302.937.940.261	20.917.079,30	14.483	2
Kỳ 2/Tháng 5	304.126.805.768	21.064.816,94	14.438	(45)
Kỳ 3/Tháng 5	295.908.783.079	21.053.646,98	14.055	(383)
Kỳ 4/Tháng 5	289.066.120.078	21.044.336,12	13.736	(319)
Kỳ 5/Tháng 5	289.796.476.671	21.132.722,25	13.713	(23)
Kỳ 6/Tháng 5	291.925.103.683	21.138.811,04	13.810	97
Kỳ 7/Tháng 5	291.331.357.547	21.137.865,30	13.782	(28)
Kỳ 8/Tháng 5	295.625.434.929	21.135.594,61	13.987	205
Kỳ cuối/Tháng 5	298.731.155.890	21.117.382,99	14.146	159
Kỳ 1/Tháng 6	299.884.443.611	21.248.611,45	14.113	(33)
Kỳ 2/Tháng 6	301.573.983.282	21.231.895,33	14.204	91
Kỳ 3/Tháng 6	303.425.110.515	21.235.387,11	14.289	85
Kỳ 4/Tháng 6	293.976.762.140	21.211.399,48	13.859	(430)
Kỳ 5/Tháng 6	294.377.984.600	21.123.028,94	13.936	77
Kỳ 6/Tháng 6	285.286.473.708	21.119.976,92	13.508	(428)
Kỳ 7/Tháng 6	287.560.473.615	21.126.723,25	13.611	103
Kỳ 8/Tháng 6	290.869.752.771	21.098.635,02	13.786	175
Kỳ cuối/Tháng 6	289.747.108.024	21.218.900,88	13.655	(131)
Kỳ 1/Tháng 7	286.596.810.803	21.215.844,52	13.509	(146)
Kỳ 2/Tháng 7	284.603.157.601	21.210.566,48	13.418	(91)
Kỳ 3/Tháng 7	294.880.787.699	21.855.620,62	13.492	74

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 4/Tháng 7	295.230.443.854	21.858.926,27	13.506	14
Kỳ 5/Tháng 7	295.257.081.638	21.861.967,69	13.506	-
Kỳ 6/Tháng 7	297.792.395.296	21.859.725,43	13.623	117
Kỳ 7/Tháng 7	295.428.414.826	21.901.508,34	13.489	(134)
Kỳ 8/Tháng 7	300.800.836.605	22.105.758,25	13.607	118
Kỳ cuối/Tháng 7	299.972.585.060	22.108.292,42	13.568	(39)
Kỳ 1/Tháng 8	304.990.699.003	22.108.292,42	13.795	227
Kỳ 2/Tháng 8	306.173.691.807	22.101.813,87	13.853	58
Kỳ 3/Tháng 8	306.867.175.302	22.089.207,72	13.892	39
Kỳ 4/Tháng 8	306.412.844.158	22.131.178,20	13.845	(47)
Kỳ 5/Tháng 8	309.295.760.932	22.093.749,06	13.999	154
Kỳ 6/Tháng 8	311.166.900.896	22.307.726,90	13.949	(50)
Kỳ 7/Tháng 8	310.237.414.252	22.277.582,79	13.926	(23)
Kỳ 8/Tháng 8	314.303.918.945	22.331.359,25	14.075	149
Kỳ 9/Tháng 8	314.143.552.291	22.330.041,16	14.068	(7)
Kỳ cuối/Tháng 8	313.639.497.811	22.288.299,63	14.072	4
Kỳ 1/Tháng 9	313.312.760.685	22.288.299,63	14.057	(15)
Kỳ 2/Tháng 9	307.960.923.029	22.285.057,16	13.819	(238)
Kỳ 3/Tháng 9	309.436.509.516	22.248.445,25	13.908	89
Kỳ 4/Tháng 9	307.447.387.512	22.164.444,18	13.871	(37)
Kỳ 5/Tháng 9	303.754.280.857	22.177.762,33	13.696	(175)
Kỳ 6/Tháng 9	301.552.717.220	22.079.362,58	13.658	(38)
Kỳ 7/Tháng 9	294.282.118.291	22.057.428,74	13.342	(316)
Kỳ 8/Tháng 9	290.474.152.972	22.102.132,76	13.142	(200)
Kỳ cuối/Tháng 9	292.166.963.838	22.083.743,24	13.230	88
Kỳ 1/Tháng 10	284.557.203.176	22.083.743,24	12.885	(345)
Kỳ 2/Tháng 10	278.645.858.021	21.724.349,02	12.826	(59)
Kỳ 3/Tháng 10	271.043.224.127	21.700.963,90	12.490	(336)
Kỳ 4/Tháng 10	276.214.597.427	21.607.302,85	12.783	293
Kỳ 5/Tháng 10	277.830.181.306	21.605.439,26	12.859	76
Kỳ 6/Tháng 10	277.560.018.848	21.576.969,10	12.864	5

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 7/Tháng 10	271.228.447.597	21.577.057,16	12.570	(294)
Kỳ 8/Tháng 10	277.071.491.240	21.630.067,16	12.810	240
Kỳ cuối/Tháng 10	274.255.180.959	21.629.837,47	12.679	(131)
Kỳ 1/Tháng 11	274.226.833.525	21.629.837,47	12.678	(1)
Kỳ 2/Tháng 11	271.038.508.739	21.611.455,52	12.541	(137)
Kỳ 3/Tháng 11	269.826.755.886	21.605.018,61	12.489	(52)
Kỳ 4/Tháng 11	264.412.900.871	21.495.449,32	12.301	(188)
Kỳ 5/Tháng 11	258.511.632.801	21.471.135,00	12.040	(261)
Kỳ 6/Tháng 11	263.006.273.752	21.436.213,47	12.269	229
Kỳ 7/Tháng 11	263.427.485.644	21.447.973,06	12.282	13
Kỳ 8/Tháng 11	258.263.982.864	21.353.607,23	12.095	(187)
Kỳ 9/Tháng 11	266.466.666.075	21.355.646,89	12.478	383
Kỳ cuối/Tháng 11	268.272.385.213	21.290.388,14	12.601	123
Kỳ 1/Tháng 12	266.768.906.685	21.290.388,14	12.530	(71)
Kỳ 2/Tháng 12	269.998.939.128	21.345.893,81	12.649	119
Kỳ 3/Tháng 12	268.072.940.298	21.184.121,28	12.654	5
Kỳ 4/Tháng 12	268.153.035.168	21.180.797,16	12.660	6
Kỳ 5/Tháng 12	273.018.334.079	21.154.766,99	12.906	246
Kỳ 6/Tháng 12	271.061.213.599	21.112.350,75	12.839	(67)
Kỳ 7/Tháng 12	270.725.324.336	21.112.995,26	12.823	(16)
Kỳ 8/Tháng 12	268.572.180.508	21.112.348,98	12.721	(102)
Kỳ 9/Tháng 12	268.135.772.773	21.057.329,94	12.734	13
Kỳ cuối/Tháng 12	268.947.114.804	21.111.364,81	12.739	5

NAV bình quân trong năm	295.382.413.187	
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Cao Nhất	430	
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Thấp Nhất	-	

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước	170.118.550.591	14.495.446,15	11.736	
Kỳ 1/Tháng 1	170.139.702.264	14.495.446,15	11.737	1
Kỳ 2/Tháng 1	174.034.615.837	14.489.004,47	12.011	274
Kỳ 3/Tháng 1	175.474.841.495	14.456.518,11	12.138	127
Kỳ 4/Tháng 1	178.546.811.544	14.462.763,86	12.345	207
Kỳ 5/Tháng 1	178.600.744.898	14.480.387,07	12.334	(11)
Kỳ 6/Tháng 1	177.710.088.669	14.462.739,07	12.287	(47)
Kỳ 7/Tháng 1	178.890.538.683	14.457.143,04	12.374	87
Kỳ 8/Tháng 1	168.134.247.901	14.428.789,44	11.653	(721)
Kỳ cuối/Tháng 1	170.323.709.396	14.447.990,18	11.789	136
Kỳ 1/Tháng 2	177.901.414.779	14.489.937,66	12.278	489
Kỳ 2/Tháng 2	178.834.601.991	14.533.934,13	12.305	27
Kỳ 3/Tháng 2	184.835.151.425	14.534.694,73	12.717	412
Kỳ 4/Tháng 2	184.130.666.439	14.560.470,60	12.646	(71)
Kỳ 5/Tháng 2	182.832.347.119	14.560.438,98	12.557	(89)
Kỳ cuối/Tháng 2	183.623.692.958	14.611.017,20	12.567	10
Kỳ 1/Tháng 3	184.560.334.088	14.617.720,17	12.626	59
Kỳ 2/Tháng 3	188.127.482.083	14.843.399,99	12.674	48
Kỳ 3/Tháng 3	191.190.793.649	14.856.021,71	12.870	196
Kỳ 4/Tháng 3	191.194.794.323	14.800.144,19	12.918	48
Kỳ 5/Tháng 3	192.552.590.866	14.816.379,04	12.996	78
Kỳ 6/Tháng 3	192.201.698.541	14.833.577,26	12.957	(39)
Kỳ 7/Tháng 3	189.734.700.083	14.834.181,12	12.790	(167)
Kỳ 8/Tháng 3	192.342.425.951	15.035.481,18	12.793	3
Kỳ cuối/Tháng 3	193.797.650.775	15.038.004,36	12.887	94
Kỳ 1/Tháng 4	196.077.655.826	15.038.004,36	13.039	152
Kỳ 2/Tháng 4	197.017.055.901	15.080.155,75	13.065	26
Kỳ 3/Tháng 4	198.037.047.712	15.080.214,35	13.132	67
Kỳ 4/Tháng 4	199.539.656.879	15.164.344,15	13.158	26
Kỳ 5/Tháng 4	199.520.950.554	15.189.329,12	13.136	(22)
Kỳ 6/Tháng 4	200.078.975.560	15.291.989,49	13.084	(52)

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 7/Tháng 4	199.831.962.524	15.327.565,15	13.037	(47)
Kỳ 8/Tháng 4	205.599.856.112	15.587.445,85	13.190	153
Kỳ cuối/Tháng 4	208.375.678.704	15.669.283,59	13.298	108
Kỳ 1/Tháng 5	208.732.955.186	15.669.283,59	13.321	23
Kỳ 2/Tháng 5	211.168.513.803	15.701.031,87	13.449	128
Kỳ 3/Tháng 5	212.942.614.663	15.781.810,25	13.493	44
Kỳ 4/Tháng 5	214.452.881.676	15.821.948,84	13.554	61
Kỳ 5/Tháng 5	215.682.988.194	15.931.802,39	13.538	(16)
Kỳ 6/Tháng 5	220.526.355.139	16.037.254,76	13.751	213
Kỳ 7/Tháng 5	222.867.419.670	16.058.503,76	13.878	127
Kỳ 8/Tháng 5	226.197.736.197	16.325.495,01	13.855	(23)
Kỳ cuối/Tháng 5	231.850.847.014	16.505.881,59	14.047	192
Kỳ 1/Tháng 6	233.221.351.739	16.505.881,59	14.130	83
Kỳ 2/Tháng 6	239.424.029.153	16.747.953,83	14.296	166
Kỳ 3/Tháng 6	236.780.890.727	17.013.609,11	13.917	(379)
Kỳ 4/Tháng 6	239.974.747.891	17.147.751,80	13.995	78
Kỳ 5/Tháng 6	246.848.273.212	17.284.779,38	14.281	286
Kỳ 6/Tháng 6	247.708.864.711	17.340.157,23	14.285	4
Kỳ 7/Tháng 6	249.795.397.130	17.308.468,28	14.432	147
Kỳ 8/Tháng 6	250.123.672.909	17.298.687,08	14.459	27
Kỳ 9/Tháng 6	256.661.241.428	17.522.008,29	14.648	189
Kỳ cuối/Tháng 6	258.418.302.328	17.673.916,51	14.621	(27)
Kỳ 1/Tháng 7	260.507.544.046	17.673.916,51	14.740	119
Kỳ 2/Tháng 7	255.639.414.188	17.739.323,11	14.411	(329)
Kỳ 3/Tháng 7	258.429.514.141	17.810.432,22	14.510	99
Kỳ 4/Tháng 7	251.774.385.970	17.773.375,43	14.166	(344)
Kỳ 5/Tháng 7	251.725.641.368	17.812.773,67	14.132	(34)
Kỳ 6/Tháng 7	251.528.586.987	17.883.669,18	14.065	(67)
Kỳ 7/Tháng 7	253.642.549.948	17.926.460,50	14.149	84
Kỳ 8/Tháng 7	252.184.857.487	17.936.395,45	14.060	(89)

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 9/Tháng 7	254.466.642.849	17.975.633,57	14.156	96
Kỳ cuối/Tháng 7	259.310.496.012	18.196.694,21	14.250	94
Kỳ 1/Tháng 8	261.366.884.323	18.196.694,21	14.363	113
Kỳ 2/Tháng 8	262.727.274.441	18.173.548,26	14.457	94
Kỳ 3/Tháng 8	264.823.165.837	18.206.628,53	14.545	88
Kỳ 4/Tháng 8	263.231.719.805	18.224.738,35	14.444	(101)
Kỳ 5/Tháng 8	264.916.785.270	18.231.108,09	14.531	87
Kỳ 6/Tháng 8	266.427.719.421	18.277.224,21	14.577	46
Kỳ 7/Tháng 8	259.481.166.479	18.283.780,31	14.192	(385)
Kỳ 8/Tháng 8	261.476.848.644	18.411.643,66	14.202	10
Kỳ cuối/Tháng 8	264.340.856.674	18.416.511,17	14.353	151
Kỳ 1/Tháng 9	266.080.263.149	18.423.246,24	14.443	90
Kỳ 2/Tháng 9	266.926.971.010	18.430.994,73	14.483	40
Kỳ 3/Tháng 9	266.543.631.717	18.437.259,31	14.457	(26)
Kỳ 4/Tháng 9	268.061.410.582	18.409.069,21	14.561	104
Kỳ 5/Tháng 9	267.375.883.731	18.427.693,78	14.509	(52)
Kỳ 6/Tháng 9	270.002.145.298	18.501.747,51	14.593	84
Kỳ 7/Tháng 9	268.900.557.998	18.500.323,63	14.535	(58)
Kỳ cuối/Tháng 9	271.463.101.108	18.650.752,37	14.555	20
Kỳ 1/Tháng 10	272.388.890.641	18.664.357,24	14.594	39
Kỳ 2/Tháng 10	276.291.525.450	18.808.308,38	14.690	96
Kỳ 3/Tháng 10	279.847.977.899	18.827.341,77	14.864	174
Kỳ 4/Tháng 10	279.515.973.818	18.825.008,27	14.848	(16)
Kỳ 5/Tháng 10	280.165.284.595	18.802.314,87	14.901	53
Kỳ 6/Tháng 10	279.655.186.421	18.941.576,70	14.764	(137)
Kỳ 7/Tháng 10	282.457.524.530	19.129.700,26	14.765	1
Kỳ 8/Tháng 10	287.290.479.288	19.143.628,42	15.007	242
Kỳ cuối/Tháng 10	290.801.275.084	19.352.989,99	15.026	19
Kỳ 1/Tháng 11	290.642.814.688	19.352.989,99	15.018	(8)

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 2/Tháng 11	289.843.517.735	19.331.635,05	14.993	(25)
Kỳ 3/Tháng 11	286.402.808.724	19.049.396,96	15.035	42
Kỳ 4/Tháng 11	287.362.570.677	19.126.231,22	15.025	(10)
Kỳ 5/Tháng 11	287.565.076.345	19.161.581,68	15.007	(18)
Kỳ 6/Tháng 11	288.535.900.620	19.248.097,43	14.990	(17)
Kỳ 7/Tháng 11	286.312.178.340	19.121.935,25	14.973	(17)
Kỳ 8/Tháng 11	310.948.311.510	20.490.909,54	15.175	202
Kỳ cuối/Tháng 11	306.896.444.210	20.475.070,05	14.989	(186)
Kỳ 1/Tháng 12	308.825.389.007	20.598.343,28	14.993	4
Kỳ 2/Tháng 12	305.016.267.905	20.574.398,85	14.825	(168)
Kỳ 3/Tháng 12	306.363.078.212	20.506.780,58	14.940	115
Kỳ 4/Tháng 12	305.415.166.995	20.394.065,80	14.976	36
Kỳ 5/Tháng 12	304.884.504.967	20.365.441,26	14.971	(5)
Kỳ 6/Tháng 12	304.296.869.761	20.292.785,84	14.995	24
Kỳ 7/Tháng 12	301.425.017.285	20.285.844,78	14.859	(136)
Kỳ 8/Tháng 12	306.290.369.365	20.352.516,72	15.049	190
Kỳ 9/Tháng 12	308.278.234.694	20.518.601,36	15.024	(25)
Kỳ cuối/Tháng 12	309.455.193.008	20.490.709,23	15.102	78

NAV bình quân trong năm

241.997.228.211

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Cao Nhất
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Thấp Nhất

721
1

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	3.762.402,64	6.994.525,92
Trên 1 năm	17.348.962,17	13.496.183,31
	21.111.364,81	20.490.709,23

17. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Năm nay	Năm trước
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,73%	1,77%
Tốc độ vòng quay danh mục	65,40%	71,02%

17.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện).
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế TNDN), bao gồm cả thuế Nhà thầu.
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

17.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số vòng quay tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

18.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

18.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	201.816.988.815	201.816.988.815
- Cổ phiếu	122.747.531.500	122.747.531.500
- Trái phiếu doanh nghiệp	79.069.457.315	79.069.457.315
Tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải thu	69.215.708.239	69.215.708.239
- Tiền gửi ngân hàng	10.660.824.858	10.660.824.858
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	52.100.554.323	52.100.554.323
- Các khoản phải thu	6.454.329.058	6.454.329.058
	271.032.697.054	271.032.697.054
Nợ tài chính phải trả		
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	321.338.356	321.338.356
Chi phí phải trả	204.528.000	204.528.000
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	45.397.580	45.397.580
	571.263.936	571.263.936

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.3*.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

20.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý Quỹ	3.549.553.971	2.881.362.324

Các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả	274.676.237	311.523.342

b) Phụ cấp Ban đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng HSBC là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng HSBC một khoản phí quản trị quỹ là 0,042% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng) và phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm các khoản phí như phí duy trì nhà đầu tư, thiết lập dữ liệu nhà đầu tư, đăng ký mua mới hoặc mua lại, hoán đổi và chuyển nhượng,... (tối thiểu là 8.000.000 đồng mỗi tháng).

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B06-QM

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong năm với Ngân hàng Giám sát như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí dịch vụ lưu ký	237.754.709	216.004.573
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	165.278.771	154.838.435
Phí dịch vụ giám sát	81.343.944	71.545.218
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	136.657.826	110.932.451

Các số dư với Ngân hàng Giám sát như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	10.660.824.858	12.223.872.305
Phải trả phí lưu ký	17.400.001	15.576.165
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	12.392.418	16.829.920
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	10.575.036	11.993.650
Phải trả phí dịch vụ giám sát	6.294.664	7.139.076

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B06-QM

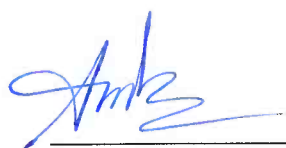
21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,20%	1,19%
Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,11%	0,12%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,10%	0,11%
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,04%	0,05%
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,06%	0,08%
Các chỉ tiêu khác		
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	53,45%	51,11%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư/cổ đông lớn nhất cuối kỳ (%)	63,95%	62,14%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	32,83%	33,82%
Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	12.739	15.102
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	2.031	1.918

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG MANULIFE (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu của Quỹ MAFBAL là đem đến thu nhập và tiềm năng tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong dài hạn thông qua việc phân bổ cân bằng vào các cổ phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối năm báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 13,09% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu năm báo cáo.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng trên nền tảng của quy trình đầu tư trái phiếu và cổ phiếu chuyên nghiệp và có kỷ luật cao với tầm nhìn trung và dài hạn. Tùy theo điều kiện thị trường, Quỹ sẽ phân bổ tỷ trọng hợp lý các cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định.

- ▶ Cổ phiếu: được đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt.
- ▶ Trái phiếu: Phần lớn được đầu tư vào các trái phiếu có độ rủi ro thấp như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thị trường, một phần sẽ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có mức lợi nhuận kỳ vọng tốt so với mức rủi ro tăng thêm.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 28/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2017.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ ở mức trung bình.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 11 năm 2017.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 21.111.364,81 tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 211.113.648.100 đồng.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ sẽ chia lợi nhuận khi điều kiện cho phép. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) của Quỹ sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ, theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ, và được sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG MANULIFE (“QUỸ”) (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ (tiếp theo)

Quỹ sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn sau đây và với các điều kiện sau đây:

- Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Nhà Đầu Tư có quyền lựa chọn hình thức phân chia lợi nhuận (nếu có) của Quỹ: (1) tiền mặt và/hoặc; (2) Đơn Vị Quỹ. Chỉ những Nhà Đầu Tư có tên trên danh sách Nhà Đầu Tư sở hữu trên một Đơn Vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 1.261 VND.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)
Cổ phiếu	45,28	49,72	48,10
Trái phiếu doanh nghiệp	29,17	10,38	11,83
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,94	23,56	5,19
Các tài sản khác	21,61	16,34	34,88
Tổng	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	268.947.114.804	309.455.193.008	170.118.550.591
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21.111.364,81	20.490.709,23	14.495.446,15
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị CCQ	12.739	15.102	11.736
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	15.235	15.175	11.736
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	12.040	11.653	8.739
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(15,65)	28,68	15,88
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(145,31)	480,97	704,42
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.12. Ngày chốt quyền	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,73	1,77	1,96
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	65,40	71,02	75,26

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	-15,65	-15,65
- 3 năm	25,78	7,95
- Từ khi thành lập	27,40	4,85

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-15,65	28,68

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Thị trường chứng khoán:

Năm 2022 được xem là một năm nhiều biến động mạnh cả về kinh tế vĩ mô lẫn thị trường chứng khoán xuất phát từ những yếu tố không tiên lượng trước được đã liên tục xảy ra trong cả năm. Chiến tranh Nga – Ukraina, chính sách Không Covid tại Trung Quốc, v.v. đã tạo ra sự gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy giá cả hàng hóa tăng chóng mặt, v.v. dẫn đến lạm phát cao tại Mỹ và Châu Âu. Để đưa lạm phát quay lại mức bình thường Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ (Fed) đã 7 lần tăng lãi suất cơ bản đồng USD, đưa lãi suất lên mức 4,25-4,50%, kéo theo làn sóng tăng lãi suất từ các ngân hàng Trung ương toàn cầu.

Với bối cảnh lãi suất đồng USD tăng mạnh và lạm phát toàn cầu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã dùng các công cụ dự trữ ngoại tệ, tăng lãi suất cơ bản và kiểm tăng trưởng tín dụng để giữ giá trị đồng nội tệ và kiểm soát lạm phát. Qua đó, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP năm 2022 là 8,02%, cao nhất trong một thập kỷ qua, trên cơ sở kiểm soát lạm phát bình quân ở mức 3,15% và giá trị đồng nội tệ chỉ giảm 3,54% so với đồng USD vào cuối năm 2022 (so với đỉnh điểm mất giá lên đến trên 8% trong năm).

Bên cạnh những biến động vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam còn bị chi phối mạnh bởi các đợt điều tra và khởi tố sai phạm liên quan đến làm giá cổ phiếu hay sai phạm trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp, v.v. Những thay đổi chính sách như Thông tư 65 quy định chặt chẽ về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cũng có những ảnh hưởng trong ngắn hạn khi các doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản, sẽ phải tuân thủ các quy định chặt chẽ hơn khi huy động vốn bằng công cụ trái phiếu, dẫn đến lo ngại về việc mất khả năng trả nợ và phá sản. Mặc dù, hầu hết các công ty niêm yết có quy mô vốn hóa lớn đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm 2022, những thông tin tiêu cực và tình trạng sử dụng vốn vay margin của các nhà đầu tư cá nhân đã dẫn đến tình trạng bán tháo cổ phiếu. Kết thúc năm 2022, chỉ số VN-Index đã giảm 32,8%, lấy đi gần hết mức tăng của năm 2021 trước đó. Điểm sáng ghi nhận cuối năm là với vùng định giá hấp dẫn của Vn-Index trong 10 năm gần đây, dòng tiền của các nhà đầu tư nước ngoài đã liên tục mua ròng trong tháng 11 và 12, đưa tổng giá trị mua ròng của các nhà đầu tư nước ngoài đạt mốc 1,2 tỷ USD trong năm 2022, so với mức bán ròng trên 3,0 tỷ USD trong hai năm trước đó.

2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối năm 2022, lãi suất trái phiếu tăng mạnh 2,25-4,07% cho tất cả các kỳ hạn so với thời điểm cuối năm 2021 với sự tăng mạnh nhất ở các trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và từ 5 năm trở xuống.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

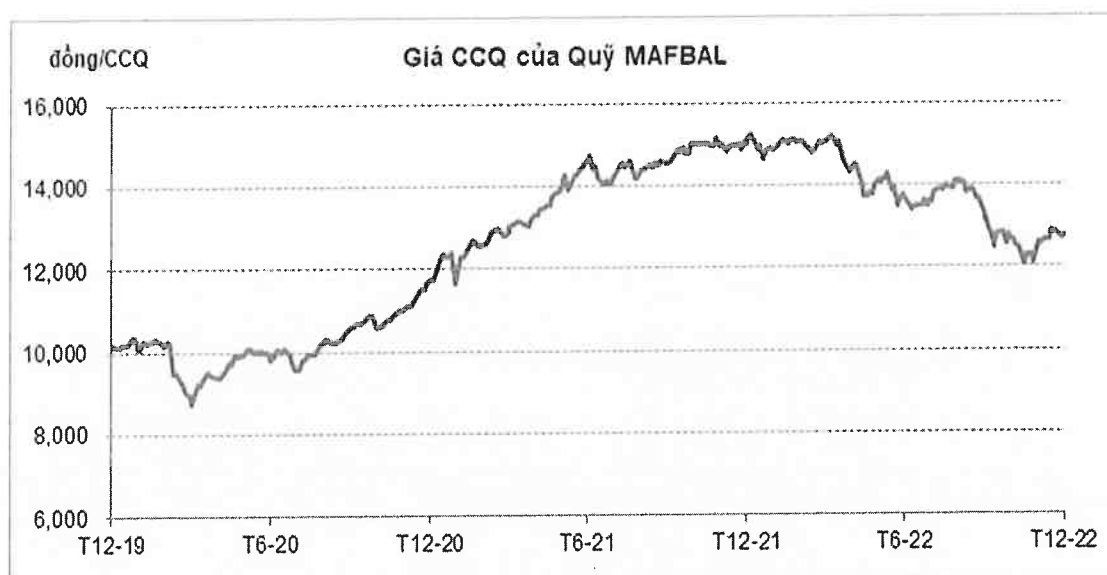
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Ba năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-177,55	-243,65	-206,84
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-15,65	25,78	27,40
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	-15,65	7,95	4,85
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)

(a) Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu

(b) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

► Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



► Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Chênh lệch
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	268.947.114.804	309.455.193.008	-13,09%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.739	15.102	-15,65%

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo):

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Nguyên nhân tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ như sau:

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu năm	309.455.193.008
Thay đổi NAV trong năm	(50.409.354.837)
Trong đó:	
- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	(50.409.354.837)
Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	9.901.276.633
Trong đó:	
- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	59.386.968.973
- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(49.485.692.340)
NAV của Quỹ cuối năm	268.947.114.804
Số lượng CCQ đầu năm	20.490.709,23
Số lượng CCQ phát hành bổ sung	4.225.581,99
Số lượng CCQ mua lại	(3.604.926,41)
Số lượng CCQ cuối năm	21.111.364,81
NAV/CCQ đầu năm	15.102
NAV/CCQ cuối năm	12.739

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	1.692	1.852.453,48	8,77%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	163	1.154.036,95	5,47%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	144	3.099.774,38	14,68%
Từ 50.000 đến 500.000	29	2.727.594,69	12,92%
Trên 500.000	3	12.277.505,31	58,16%
Tổng cộng	2.031	21.111.364,81	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2023, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6,5%, trên cơ sở mức tăng CPI bình quân khoảng 4,5%. Thách thức trong ngắn hạn đến từ nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính có thể tiếp tục giảm tốc trong quý 1-2023 và sức mua tiêu dùng nội địa bị ảnh hưởng do quy mô sản xuất ở một số ngành bị thu hẹp từ cuối năm 2022. Ngược lại, những yếu tố tích cực đóng góp cho tăng trưởng GDP được kỳ vọng từ chi tiêu công của Chính phủ trong việc đầu tư mạnh hệ thống giao thông đường cao tốc Bắc - Nam, đầu tư sân bay Quốc tế Long Thành (Đồng Nai), đầu tư các dự án điện và thăm dò, khai thác dầu khí, v.v. Hạ tầng được đầu tư mạnh cùng với những cải cách không ngừng về môi trường đầu tư, đội ngũ nhân lực chất lượng cao, v.v. sẽ hỗ trợ thu hút dòng vốn đầu tư FDI, đặc biệt là dòng vốn FDI hướng đến công nghệ cao và kinh tế tuần hoàn, trong bối cảnh các tập đoàn đa quốc gia xem Việt Nam là điểm đến lý tưởng cho chính sách Trung Quốc+1. Bên cạnh đó, Trung Quốc mở cửa sau chính sách Không Covid sẽ mở ra cơ hội xuất khẩu cho một số lĩnh vực trọng tâm của kinh tế Việt Nam, giảm gián đoạn chuỗi cung ứng cho hoạt động sản xuất tại Việt Nam, cũng như đón lượng khách du lịch tiềm năng từ quốc gia đông dân nhất thế giới.

Với tầm nhìn đầu tư dài hạn, trên cơ sở ổn định và phát triển bền vững của bức tranh kinh tế vĩ mô, thị trường cổ phiếu Việt Nam sẽ mang lại cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh thị trường cổ phiếu đang có mức định giá hấp dẫn và hợp lý trong một thập kỷ qua. Những thay đổi về chính sách đối với thị trường cổ phiếu và trái phiếu trong thời gian qua sẽ góp phần lành mạnh hóa thị trường, tăng lòng tin cho các nhà đầu tư và tạo nền tảng cho thị trường chứng khoán nói chung phát triển bền vững trong trung và dài hạn. Vì vậy, chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế và có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn.

Thị trường trái phiếu Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai khi mà theo lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, tỷ trọng dư nợ trái phiếu được đặt mục tiêu tăng lên 65% GDP vào cuối năm 2030. Trong đó, dư nợ thị trường trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương đạt khoảng 45% GDP vào năm 2030, dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 20% GDP vào năm 2030.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

1. Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ")

Bà Trịnh Bích Ngọc - Chủ tịch

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Học viện Quan hệ Quốc tế, Postdam, CHDC Đức cũ.
- Học vị FLMI do Hiệp hội Quốc tế đào tạo chuyên ngành tài chính bảo hiểm LOMA cấp.
- Kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán do UBCKNN Việt Nam đào tạo.

Kinh nghiệm làm việc

- 1990 - 1994: Cán bộ tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, CARE International.
- 1994 - 2000: Trợ lý Trưởng Đại diện, VPĐD Công ty Manulife Financial (Canada) tại Hà Nội.
- 2000 - nay: Giám đốc Điều hành, Chi nhánh Hà Nội, Công ty TNHH Manulife Việt Nam.
- 2006 - nay: Chủ tịch, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ

Bà Trần Thị Kim Cương, CFA - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ kinh doanh Đại học Monash, Melbourne, Úc, chuyên ngành Tài chính và Kế toán.
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst).
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2001 - 2002: Kiểm toán viên công ty kiểm toán KPMG Việt Nam.
- 2003 - 2006: Giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- 2007 - 2010: Chuyên viên phân tích cấp cao, Phó phòng Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).
- 2010 - 2011: Trưởng phòng kế hoạch và đầu tư Công ty PepsiCo Việt Nam.
- 2011 - tháng 5 năm 2015: Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- Từ tháng 5 năm 2015 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Bà Nguyễn Thị Yến – Trưởng phòng Đầu Tư Cổ Phiếu

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
- Chứng chỉ Hành Nghề Quản Lý Quỹ do UBCKNN cấp

Kinh nghiệm làm việc

- 2006-2019: Trưởng phòng phân tích, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 2019-2020: Chuyên viên phân tích đầu tư cấp cao, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital
- 2020- 6/2022: Chuyên viên Phân tích đầu tư cấp cao, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- Từ 6/2022: Trưởng phòng Đầu tư Cổ Phiếu, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Bà Nguyễn Liêu Thanh Vân – Chuyên viên phân tích đầu tư

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Đại học City University, London.
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2009 - nay: Chuyên viên phân tích đầu tư, phòng Đầu Tư Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Ông Nguyễn Đức Hải, CFA - Giám đốc Đầu tư Chứng Khoán có lãi suất cố định

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ.
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst).
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2006 - 2011: Trưởng phòng Phân tích - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- 2011 - nay: Giám đốc Đầu tư Chứng khoán thu nhập cố định, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

3. Ban Đại diện quỹ

Ông Đinh Thế Hiền - Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán TPHCM.
- Tốt nghiệp Kỹ sư máy tính, Đại học Bách khoa TPHCM.
- Thạc sĩ Tài chính, Đại học Kinh tế TPHCM.
- Tiến sĩ Tài chính, Đại học Capitol.

Kinh nghiệm làm việc

- 1993 - 1995: Chủ nhiệm bộ môn Tin học - Kế toán, Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương.
- 1997 - 2003: Phó phòng thẩm định, Quỹ Đầu tư phát triển đầu tư TPHCM.
- 2007 - 2010: Trưởng khoa Tài chính kế toán, Đại học Công nghệ thông tin Gia Định.
- 2004 - 2014: Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Tin học và Kinh tế ứng dụng.
- 2007 - nay: Ủy viên Ủy Ban chiến lược, ngân hàng Eximbank.

Bà Nguyễn Lê Bích Đào - Thành viên Ban đại diện Quỹ

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Anh văn, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TPHCM.
- Tốt nghiệp Cử nhân Luật thương mại, Đại học Luật TPHCM.
- Thạc sĩ Luật thương mại quốc tế, Đại học West of England.
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 2002 - 2004: Luật sư tập sự, công ty Luật Hoàng Quân.
- 2005 - 2008: Luật sư, công ty Luật Russin & Vecchi.
- 2009 - 2010: Luật sư, công ty Luật Mayer Brown JSM.
- 2010 - 2012: Giám đốc Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Prudential (nay là Eastspring).
- 2012 - nay: Giám đốc, trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Ban Đại diện quỹ (tiếp theo)

Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban đại diện Quỹ

Trình độ chuyên môn

- Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế quốc tế, Đại học Ngoại thương.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo quản lý.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính quốc tế, Đại học Birmingham.
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst).
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

Kinh nghiệm làm việc

- 1997 - 1998: Trợ lý kiểm toán, công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers.
- 1998 - 2001: Phó phòng thẩm định, Quỹ đầu tư phát triển đô thị TPHCM.
- 2001 - 2003: Cán bộ đầu tư, Mekong Capital.
- 2003 - 2005: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Kỹ Nghệ ECO.
- 2005 - 2007: Trưởng Đại diện tại Việt Nam, Giám đốc Đầu tư, Văn phòng Đại diện Thường trú Aueros Philippine Adviser, Inc.
- 2008 - 2012: Thành viên Ban Kiểm soát, công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam. Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn.
- 2012 - nay: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư vấn Sóng Xanh.



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ MAFBAL" hay "Quỹ") cho kỳ báo cáo niên độ năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm 2022, Quỹ MAFBAL đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "CTQLQ") đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số thời điểm, Quỹ MAFBAL có phát sinh các sai lệch về hạn chế đầu tư do biến động giá chứng khoán trên thị trường. Tỷ lệ đầu tư của Quỹ MAFBAL vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành đã vượt hạn mức tối đa 20% quy định tại khoản 1.c, điều 9 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.c, điều 35 của thông tư 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98"): "*Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ*". Tại các kỳ báo cáo có phát sinh sai lệch, chúng tôi đã gửi thông báo đến CTQLQ và đề nghị CTQLQ điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ theo đúng thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98.

Theo ghi nhận của chúng tôi, các sai lệch của Quỹ MAFBAL phát sinh trong tháng 10/2022 và tháng 11/2022 đã được CTQLQ khắc phục theo đúng thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 với chi tiết như dưới đây. Đối với sai lệch của Quỹ phát sinh trong tháng 12/2022, CTQLQ có thời hạn là ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh sai lệch lần đầu (kỳ báo cáo xác định giá trị tài sản ròng ("GTTSR") chốt ngày 15/12/2022 và ngày định giá 16/12/2022) để điều chỉnh danh mục đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98. Chúng tôi sẽ cập nhật việc khắc phục sai lệch của Quỹ trong báo cáo giám sát kỳ tới.

Sai lệch về hạn chế đầu tư phát sinh tại kỳ báo cáo xác định GTTSR chốt ngày	Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành tại kỳ báo cáo xác định GTTSR phát sinh sai lệch	Sai lệch đã được khắc phục tại kỳ báo cáo xác định GTTSR chốt ngày	Sai lệch đã được khắc phục tại ngày định giá	Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành sau khi sai lệch được khắc phục	Ghi chú
25/10/2022	20,13%	27/10/2022	28/10/2022	19,60%	Do biến động giá chứng khoán trên thị trường
08/11/2022	20,25%	24/11/2022	25/11/2022	19,73%	Do biến động giá chứng khoán trên thị trường
10/11/2022	20,43%				
15/11/2022	21,17%				
17/11/2022	20,97%				
22/11/2022	20,82%				
15/12/2022	20,25%				Do biến động giá chứng khoán trên thị trường
20/12/2022	20,49%				
22/12/2022	20,58%				
27/12/2022	20,30%				
29/12/2022	20,47%				
31/12/2022	20,54%				

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT (tiếp theo)

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ MAFBAL đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- c) CTQLQ đã có quy trình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- d) Các nội dung liên quan đến phân phối lợi nhuận của Quỹ MAFBAL phát sinh trong kỳ báo cáo: Không có; và
- e) Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các quy định về hạn chế vay, hạn chế giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đại diện Ngân hàng Giám sát



Bà Võ Hồng Nhung
Bộ phận Nghiệp vụ Chứng khoán

Bà Trần Thị Phương Nhi
Bộ phận Nghiệp vụ Chứng khoán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023